PHỤ LỤC

DANH SÁCH ĐẤT DO UBND PHƯỜNG QUẢN LÝ THUỘC DIỆN THU HỒI ĐẤT

Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 391 đoạn từ thành phố Hải Dương đến đường trục Đông Tây, tỉnh Hải Dương

(Kèm theo Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Tân Hưng)

Stt	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích thửa đất (m^2)	Trong đó		Loại đất theo Trích lục thu hồi đất	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất	Ghi chú
				Diện tích thực hiện dự án (m2)	Diện tích còn lại (m2)			
I	**Đất công do UBND phường quản lý (Đất DTL)**							
1	114	60	231	231	0	DTL	UBND xã Ngọc Sơn	
2	115	63	332.6	332.6	0	DTL	UBND xã Ngọc Sơn	
3	115	69	362.9	362.9	0	DTL	UBND xã Ngọc Sơn	
4	121	15	193.6	62.3	131.3	DTL	UBND xã Ngọc Sơn	
5	121	36	261.3	261.3	0	DTL	UBND xã Ngọc Sơn	
6	121	92	1191	318.9	872.1	DTL	UBND xã Ngọc Sơn	
II	**Đất công do UBND phường quản lý (hiện các hộ dân đang sử dụng)**							
1	114	2	339.8	36.8	303	ODT+CLN	Ông Đặng Văn Tuyển	
2	114	3	108.5	8.1	100.4	ODT	Ông Đặng Văn Tình	

S tt	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích thửa đất (m^2)	Trong đó		Loại đất theo Trích lục thu hồi đất	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất	Ghi chú
				Diện tích thực hiện dự án (m2)	Diện tích còn lại (m2)			
3	114	4	108.5	7.1	101.4	ODT	Ông Đặng Văn Hoạt	
4	114	5	109.4	7	102.4	ODT	Ông Nguyễn Văn Sử	
5	114	6	107.8	3	104.8	ODT	Ông Nguyễn Đức Hạnh	
6	114	7	106.5	3	103.5	ODT	Ông Đinh Văn Huấn	
7	114	8	105.2	3	102.2	ODT	Ông Đinh Văn Huấn	
8	114	10	199.3	0.1	199.2	ODT	-	
9	114	11	96.6	0.6	96	ODT	-	
10	114	12	109.9	7.8	102.1	ODT	Nguyễn Thị Tuyết	
11	114	13	113.4	6.6	106.8	ODT	Lưu Văn Hậu	
12	114	14	113.4	7.6	105.8	ODT	Lưu Văn Hiền	
13	114	17	212.5	12	200.5	ODT	Ông Dương Văn Tám	
14	114	19	349.5	15.5	334	ODT+CLN	Ông Nguyễn Văn Chuẩn	
15	114	21	261.1	261.1	0	DTL	UBND xã Ngọc Sơn	
16	114	23	292.8	12	280.8	ODT	Ông Đặng Thanh Chưng	
17	114	32	581.6	10.1	571.5	ODT+CLN	Ông Dương Văn Dọc	

S tt	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích thửa đất (m^2)	Trong đó		Loại đất theo Trích lục thu hồi đất	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất	Ghi chú
				Diện tích thực hiện dự án (m2)	Diện tích còn lại (m2)			
18	114	36	136.6	0.4	136.2	ODT	Nguyễn Thị Hiền	
19	114	37	143.6	0.2	143.4	ODT	Ông Đoàn Văn Thu	
20	114	44	257	13	244	ODT	Ông Đỗ Văn Chè	
21	114	51	520.3	12.6	507.7	ODT+CLN	Ông Đặng Đình Chi Bà Đặng Thị Lợi	
22	114	65	129.2	0.5	128.7	ODT	Ông Hoàng Tiến Dự	
23	115	15	115.8	0.9	114.9	ODT	Ông Nguyễn Văn Hoan Bà Đặng Thị Hương Sen	
24	115	16	115.8	1	114.8	ODT	Nguyễn Văn Vịnh, Phạm Thị Lương	
25	115	17	227.7	2.1	225.6	ODT	Ông Nguyễn Văn Dấu Đặng Thị Nhuyền	
26	115	19	225.3	1.9	223.4	ODT	Ông Đoàn Văn Trơn	
27	115	31	235.3	6.1	229.2	ODT	Ông Lưu Văn Sớm Bà Đặng Thị Hoài	
28	115	50	205.7	5.7	200	ODT	Ông Lê Văn Công Bà Dương Thị Dung	
29	115	52	153.1	0.3	152.8	ODT	Ông Đinh Văn ổn Bà Lưu Thị Hảo	
30	115	62	119.3	8.1	111.2	ODT	Ông Đỗ Tuấn Hệt	
31	115	68	201.9	0.1	201.8	ODT	Đinh Văn Phong (mẹ là Đoàn Thị Dự)	
32	115	71	180.5	6.4	174.1	ODT	Vũ Văn Thảo, Dương Thị Phương	

S tt	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích thửa đất (m^2)	Trong đó		Loại đất theo Trích lục thu hồi đất	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất	Ghi chú
				Diện tích thực hiện dự án (m2)	Diện tích còn lại (m2)			
33	115	72	209.7	7.9	201.8	ODT	Bà Vũ Thị Mận	
34	115	75	366.6	13.9	352.7	ODT	Đặng Văn Vị	
35	115	77	386.3	13.6	372.7	ODT	Trần Văn Quảng	
36	115	84	395.9	12.9	383	ODT+CLN	Đoàn Văn Điệt	
37	115	85	215.7	4.8	210.9	ODT	Ông Đặng Thành Trung	
38	115	87	185	0.8	184.2	ODT	Ông Trần Văn Huấn	
39	115	92	233.5	8.7	224.8	ODT	Ông Đoàn Văn Bách	
40	115	93	228.5	7.1	221.4	ODT	Ông Đặng Văn Bền	
41	115	105	436.2	18.7	417.5	ODT+NTS	Ông Đinh Văn Phương	
42	115	109	281.1	14.2	266.9	ODT	Ông Đoàn Văn Khoa	
43	115	110	117.8	19.1	98.7	ODT	Ông Nguyễn Văn Hưng	
44	115	111	215.4	10.8	204.6	ODT	Ông Lê Văn Dụ	
45	115	112	121	23	98	ODT	Ông Nguyễn Văn Điệp	
46	121	1	521.6	23.6	498	ODT+CLN	Ông Nguyễn Thành Duy	
47	121	4	160.8	30.9	128.9	ODT	Ông Dương Văn Kế	

S tt	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích thửa đất (m^2)	Trong đó		Loại đất theo Trích lục thu hồi đất	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất	Ghi chú
				Diện tích thực hiện dự án (m2)	Diện tích còn lại (m2)			
48	121	5	231.2	11.8	219.4	ODT+CLN	Ông Vũ Văn Nghiệp	
49	121	7	196.7	9.5	187.2	ODT+CLN	Ông Vũ Văn Hiệp	
50	121	14	473.5	0	473.5	ODT+CLN	-	
51	121	25	597.9	86.5	511.4	ODT+CLN	Ông Dương Văn Thủ	
52	121	29	263.3	42.2	221.1	ODT	Ông Đặng Tuấn Lâm	
53	121	31	337.8	18.5	319.3	ODT+CLN	Ông Dương Văn Sang	
54	121	32	197.8	5.6	192.2	ODT	Ông Nguyễn Tất Lộc	
55	121	33	384.9	15.5	369.4	ODT+CLN	Phạm Văn Bốn	
56	121	34	107.8	6.3	101.5	ODT	Ông Đồng Mạnh Quyền	
57	121	35	201.2	25.1	176.1	ODT	Ông Đoàn Văn Khiên	
58	121	37	496.5	34.5	462	ODT+CLN	Ông Đặng Văn Hưng	
59	121	38	208.7	28.7	180	ODT	Ông Đoàn Văn Khánh	
60	121	39	238	238		DTL	UBND xã Ngọc Sơn	
61	121	41	215.1	31.6	183.5	ODT	Ông Đoàn Văn Thúc	
62	121	43	307.9	41.3	266.6	ODT+CLN	Bà Phan Thị Hương	

S tt	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích thửa đất (m^2)	Trong đó		Loại đất theo Trích lục thu hồi đất	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất	Ghi chú
				Diện tích thực hiện dự án (m2)	Diện tích còn lại (m2)			
63	121	53	134.8	12.4	122.4	ODT	Ông Nguyễn Văn Hùng	
64	121	55	129.2	13.5	115.6	ODT	Ông Nguyễn Văn Vĩ	
65	121	68	108.9	18.1	90.8	ODT	Ông Nguyễn Tất Lộc	
66	121	71	136	20.1	115.9	ODT	Ông Trần Văn Huấn Bà Đặng Thị Hiền	
67	121	74	101.6	6.8	94.8	ODT	Ông Đặng Văn Xòa	
68	121	82	116	13.1	102.9	ODT	Ông Nguyễn Văn Khoa Bà Lưu Thị Hoạt	
69	121	84	222.8	20.2	202.6	ODT	Ông Đoàn Văn Thu	
70	121	87	194.5	5.3	189.8	ODT	Ông Đoàn Văn Trơn	
71	121	90	99.2	4.9	94.3	ODT	Ông Đặng Văn Xoà	
72	121	128	893.4	88.3	805.1	ODT+CLN	Ông Nguyễn Văn Thuấn	
Tổng Cộng (I+II)			**19,525.1**	**3,037.5**	**16,487.1**			